TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Phạm Văn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng xét xử công khai vụ án sơ thẩm thụ lý số 26/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 113/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1980; căn cước công dân số 031180000628; nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Tây, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Kim T, sinh năm 1979; căn cước công dân số 031079017543; nơi cư trú: Tổ dân phố Rúp, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 07 tháng 01 năm 2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Bùi Kim T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng ngày 24/4/2024. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc cuối năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T sử dụng ma tuý, chửi bới xúc phạm chị D dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, có lần anh T còn đánh chị D. Do mâu thuẫn chị D và anh T hiện đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Kim T. Chị và anh Bùi Kim T không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Bùi Kim T có nơi cư trú tại Tổ dân phố Rúp, phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Bùi Kim T theo quy định nhưng anh T không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định và việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T. Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao căn cước công dân, Bản tự khai; Biên bản xác minh tại gia đình và chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Bùi Kim T có nơi cư trú tại phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn

Thị D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Kim T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nay là phường Hoà Bình, thành phố Hải Phòng vào ngày 24/4/2024 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và lời khai của các đương sự thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là cuộc sống chung vợ chồng không thống nhất, anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị D. Mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị D và anh T hiện đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Bùi Kim T .

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T không có con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000734 ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Bùi Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hải Phòng;
- UBND phường Hoà Bình, TP. Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà